

Đặc điểm bài hùng biện trong các cuộc thi hùng biện tiếng Việt

TS. ĐẶNG THỊ MỸ HẠNH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: dangmyhanhajc@gmail.com

Nhận ngày 3 tháng 5 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 7 năm 2024.

Tóm tắt: Cuộc thi Hùng biện tiếng Việt đã được tổ chức thường niên hai năm một lần. Trong đó, văn bản hùng biện là phương tiện chính để thực hiện hoạt động hùng biện. Do đó, xây dựng văn bản hùng biện là bước tối quan trọng tạo nên thành công của sự hùng biện. Bài viết nêu ra một số đặc điểm của các bài hùng biện được khảo sát qua ba mùa thi hùng biện tiếng Việt.

Từ khóa: thuật hùng biện, bài hùng biện, thi hùng biện tiếng Việt.

Abstract: The Vietnamese Speaking Contest has been held biennially. In these contests, the speeches are the primary medium for performing oratory. Therefore, constructing a speech is a crucial step in achieving success in oratory. This article outlines some characteristics of the speeches analyzed over three seasons of the Vietnamese Speaking Contest.

Keywords: oratory, speech, Vietnamese speaking contest.

1. Về cuộc thi hùng biện tiếng Việt

Theo Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Văn Phúc, Việt Nam trong 5 năm gần đây đã tiếp nhận và đào tạo hơn 45.000 lưu học sinh nước ngoài đến từ 102 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trung bình, mỗi năm có từ 4.000 đến trên 6.000 lưu học sinh được tiếp nhận vào các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

Để chất lượng đào tạo được nâng cao, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam xác định yếu tố then chốt quyết định chất lượng học tập của lưu học sinh nước ngoài tại Việt Nam là trình độ tiếng Việt. Chính vì vậy, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Văn Phúc nhấn mạnh: "Việc nâng cao năng lực tiếng Việt luôn được xem là một nhiệm vụ quan trọng và xuyên suốt trong quá trình đào tạo tại tất cả các cơ sở giáo dục trên toàn quốc". Và một trong những cách thức thúc đẩy việc đào tạo tiếng Việt, đó là việc Bộ Giáo dục đã tổ chức cuộc thi hùng biện tiếng Việt hai năm một lần (không tính thời gian covid-19).

Việc tham gia cuộc thi hùng biện tiếng Việt dành cho lưu học sinh nước ngoài luôn là cơ hội học hỏi và giao lưu không chỉ đối với sinh viên nước ngoài đang theo học bậc cao đẳng, đại học ở Việt Nam mà còn là cơ hội học hỏi lẫn nhau giữa các cơ sở đào tạo tiếng Việt trong nước. Quá trình tham gia thi hùng biện tiếng

Việt không thể thiếu bước xây dựng văn bản hùng biện tiếng Việt. Bài viết, tác giả chia sẻ đặc điểm văn bản hùng biện tiếng Việt nhằm đáp ứng nhu cầu của cuộc thi hùng biện tiếng Việt định kỳ của Bộ Giáo dục Việt Nam nói riêng và yêu cầu chất lượng kỹ năng nói chung đối với sinh viên nước ngoài học tiếng Việt.

2. Khái niệm văn bản/bài hùng biện

Khái niệm văn bản có nhiều cách hiểu khác nhau. Nhiều nhà ngôn ngữ học quan niệm văn bản (Text) không khác diễn ngôn (Discourse) nên khái niệm diễn ngôn được hiểu như một cách gọi khác của văn bản. Một số khác cho rằng văn bản là sản phẩm có tính vật chất rõ hơn, cụ thể hơn diễn ngôn, nghĩa là văn bản hữu hình hơn diễn ngôn; về tính vật chất, văn bản được cảm nhận bằng tiếng nói hoặc chữ viết; về nội dung, văn bản truyền tải một chủ đề, một thông điệp. Còn diễn ngôn là cái rộng hơn văn bản, bên cạnh cốt lõi văn bản, diễn ngôn còn có sự tham gia của các yếu tố phi ngôn ngữ trong quá trình diễn thuyết (nói) thông qua ngôn ngữ. Tuy nhiên, đứng ở góc độ ứng dụng học tiếng Việt, quan điểm sau đây của hai tác giả Hoàng Anh, Phạm Văn Thấu: "Văn bản là sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn từ. Văn bản tồn tại ở hai dạng: nói và viết"⁽¹⁾ là quan điểm đã được ứng dụng trong việc dạy và học tiếng Việt đối với không chỉ sinh viên

Việt Nam mà còn đối với cả sinh viên nước ngoài.

Theo lý thuyết Phong cách học cổ điển, hùng biện là khả năng, năng lực diễn thuyết một vấn đề nào đó trước công chúng sao cho trôi chảy, sinh động, trang nhã và đầy sức thuyết phục, thể hiện sức mạnh biểu cảm được bộc lộ qua vẻ đẹp của ngôn ngữ, nhờ đó mà thu hút và thuyết phục người nghe.

Theo quan niệm của Ngữ dụng học hội thoại, hùng biện là hành động được thực hiện thông qua sự nói năng. Vì vậy, hùng biện là một loại hành động đặc biệt so với các hành động thông thường khác. Tuy nhiên, hùng biện được đặt trong hệ thống với các hành động liên quan tới sự lan truyền bằng miệng và sử dụng phương tiện ngôn từ như báo ban, diễn giải, thuyết trình, thuyết minh, trình bày, tranh biện, thuyết phục nên đó là những hành động ngôn từ. Do đó, trước hết, hùng biện thuộc loại hành động ngôn từ. Theo tác giả Nguyễn Thiện Giáp, hành động ngôn từ là "các hành động được thực hiện bằng lời"⁽²⁾. Hành động hùng biện yêu cầu cao về năng lực nói và tư duy logic thông qua khả năng lập luận. Năng lực hùng biện được thể hiện qua sự hùng biện và văn bản hùng biện (còn gọi là bài hùng biện).

Như vậy, văn bản/bài hùng biện là sản phẩm của loại hành động ngôn từ để thực hiện sự hùng biện. Ngôn từ là phương tiện chính của sự hùng biện để thuyết phục người nghe. Văn bản hùng biện là yếu tố quan trọng vào loại bậc nhất tạo nên hiệu quả của sự hùng biện. Không có văn bản hùng biện sẽ không thực hiện được sự hùng biện. Tuy nhiên, văn bản hùng biện không phải là yếu tố duy nhất làm nên thành công của sự hùng biện. Khi hùng biện, cùng với văn bản hùng biện còn là tinh thần của người hùng biện thông qua các yếu tố phi ngôn ngữ như thái độ, cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt... kết hợp với sự ứng xử linh hoạt trong bối cảnh hùng biện tạo nên thành công của hoạt động hùng biện.

3. Các nhân tố tác động đến việc xây dựng nội dung bài hùng biện

Nội dung của bài bị chi phối bởi ba yếu tố cơ bản, đó là loại hình văn bản, đối tượng tiếp nhận văn bản và mục đích tạo lập văn bản. Với văn bản hùng biện cũng vậy. Trước hết, văn bản hùng biện thuộc loại hình chính luận nên cần tìm được một luận đề "đủ mạnh", hấp dẫn và người tạo lập văn bản hùng biện cần xác định được quan điểm đối với luận đề tìm được. Tiếp nữa, người hùng biện cần xác định rõ đối tượng tiếp nhận bài hùng

biện là ai. Chẳng hạn cùng một chủ đề về lòng yêu nước nhưng nếu người tiếp nhận là người cao tuổi, đã từng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc thì nội dung của bài hùng biện sẽ khác với đối tượng tiếp nhận là các em học sinh phổ thông. Với người cao tuổi, đã từng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, chủ đề về lòng yêu nước có thể được thực hiện bởi bài nói có nội dung sâu sắc như "bảo vệ Tổ quốc không chỉ là bảo vệ biên cương mà còn là bảo vệ văn hoá của đất nước" song với học sinh, chủ điểm bài nói chỉ nên dừng lại ở những vấn đề cụ thể như "bảo vệ Tổ quốc chính là bảo vệ thành phố, bảo vệ sự bình yên của ngôi nhà mà các em đang sống trong đó". Cuối cùng là sự chi phối của mục đích tạo lập văn bản hùng biện tới nội dung văn bản. Khi mục đích là chia sẻ, thì nội dung cần nói về những vấn đề dễ được đồng cảm; khi mục đích là lan toả, truyền đi một thông điệp quan trọng có khả năng tác động tới cộng đồng xã hội (như "bảo vệ động vật hoang dã", "tiết kiệm năng lượng", "nước mặn là một tài nguyên quan trọng"), nội dung văn bản sẽ nói cụ thể, chi tiết có tính chuyên sâu như lời thông điệp đưa ra.

4. Đặc điểm bài hùng biện tiếng Việt

4.1. Đặc điểm về kết cấu

Nguyên tắc chung, kết cấu bài nói phải mạch lạc. Mạch lạc, "theo nghĩa hẹp, mạch lạc tách khỏi liên kết ngữ pháp và chuyên biểu thị cái nghĩa nội dung và sự liên kết của những kết nối lẫn nhau cơ bản giữa các nghĩa của văn bản - cấu trúc nhận thức và nội dung của văn bản"⁽³⁾. Do đó, yêu cầu chung của kết cấu bài hùng biện nên là: mạch lạc, ngắn, gọn và súc tích. Tính mạch lạc về hình thức của bài hùng biện được thể hiện thông qua bố cục của loại hình chính luận, đó là đặt vấn đề - giải quyết vấn đề - kết thúc vấn đề. Qua khảo sát, có thể thấy việc lựa chọn luận đề liên quan đến cách đặt vấn đề của bài hùng biện. Bên cạnh đó là yếu tố thời gian. Đây cũng là yếu tố chi phối mạnh vào việc thiết kế dung lượng bài hùng biện. Khảo sát 13 văn bản hùng biện của 13 trường, có 9 bài hùng biện chọn cách đặt vấn đề (ĐVĐ) trực tiếp, chiếm 69,2%. Ưu điểm của cách ĐVĐ này là tính ngắn gọn, rõ luận đề; người nghe dễ tiếp nhận; thời gian dành cho sự thể hiện ĐVĐ ít nhất. Thêm nữa, có những phần ĐVĐ được nêu ra dưới dạng ĐVĐ mở. Kiểu ĐVĐ này, tính khơi gợi rất cao, ví dụ ĐVĐ của bài hùng biện của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền được gọi ra rất gọn và giàu sức liên tưởng:

"Thưa Ban Giám khảo, thưa các bạn!

Chúng tôi là sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HV BC&TT). Chúng tôi đã sống và học tập ở Việt Nam được ba năm. Còn các bạn thì sao? (chờ một khoảng lặng để người nghe tự trả lời). Với các bạn, tiếng Việt như thế nào? Chắc hẳn, mỗi chúng ta sẽ có câu trả lời riêng. Còn với chúng tôi, tiếng Việt là □ □(bạn hùng biện thứ nhất bước ra trình bày)

Một khoảng thời gian lặng, để ngỏ là khoảng thời gian có dụng ý của người thiết kế bài hùng biện: muốn dành thời gian cho sự liên tưởng trong mỗi người, và như vậy, người nghe sẽ háo hức dõi chiều □đáp án□của cá nhân họ với phần diễn thuyết ở phần giải quyết vấn đề của đội tuyển HV BC&TT.

Đối với phần giải quyết vấn đề, có hai hình thức thể hiện các chủ đề bộ phận. Hình thức thứ nhất, đó là mỗi chủ đề bộ phận được trình bày trong một đoạn văn; mỗi đoạn văn được trình bày theo một dạng lập luận nhất định, thường là tổng - phân - hợp, diễn dịch hoặc quy nạp; hình thức thứ hai, mỗi chủ đề bộ phận được đặt một tiêu đề và được làm rõ bằng một phần đoạn (phần đoạn có dung lượng lớn hơn đoạn văn, kết cấu là một chỉnh thể; có thể coi đó là một văn bản thu nhỏ); chẳng hạn, phần giải quyết vấn đề của đội tuyển HV BC&TT được thể hiện bằng ba phần đoạn với ba tiêu đề sau:

(Chủ đề: tiếng Việt trong tôi là □)

1. Tiếng Việt - với tôi - là cầu nối giữa quê hương với quê hương.

2. Tiếng Việt - trong tôi - là con đường trải nghiệm và sáng tạo.

3. Tiếng Việt - với tôi - là con đường đưa tôi ra biển lớn.

(Nguồn: văn bản do đội tuyển hùng biện tiếng Việt HV BC&TT năm 2023 cung cấp)

Tiêu đề của mỗi chủ đề bộ phận cần ngắn gọn và rõ ý. Mỗi thành viên thực hiện bài hùng biện phải nắm chắc nội dung mỗi chủ đề bộ phận mà bản thân đảm nhiệm. Đội tuyển HV BC&TT phân công ba thành viên hùng biện, mỗi thành viên đảm nhận một chủ đề bộ phận.

Phần giải quyết vấn đề ở 13 văn bản hùng biện đã khảo sát đều đảm bảo được tính ngắn gọn. Thời lượng thể hiện văn bản khi hùng biện cho thấy rõ điều này. Với loại bài nói có bố cục không chia thành nhiều chủ đề bộ phận, toàn bài được thực hiện từ 5 đến 6 phút; với loại bài có sự phân chia thành các chủ đề bộ phận, mỗi chủ đề được trình bày từ 1,5 - 2 phút. Trên trang giấy, mỗi chủ đề bộ phận có độ dài 2/3 trang A4.

Thêm nữa, văn bản hùng biện của các đội tuyển

được hỗ trợ bởi hình ảnh. Bên cạnh ngôn từ, hình ảnh là loại ngôn ngữ thứ hai hỗ trợ cho nội dung hùng biện nên không phải chủ đề bộ phận nào cũng cần mô tả kỹ lưỡng, hoặc có đủ các lớp lý lẽ, dẫn chứng. Việc sử dụng hình ảnh kết hợp với ngôn ngữ được thực hiện theo ba cách. *Thứ nhất*, dùng hình ảnh minh họa cho lời thuyết minh. Ở loại hình ảnh này, người hùng biện thuyết minh chi tiết về hình ảnh; *thứ hai*, chỉ sử dụng hình ảnh có tên ảnh; đây là loại hình ảnh minh họa cho một nội dung nào đó trong bài hùng biện; *thứ ba*, hình ảnh và những khơi gợi bằng ngôn từ; đây là loại hình ảnh vừa dùng để minh chứng cho ý hùng biện đồng thời vừa hữu hình hoá một nội dung nào đó trong chủ đề bộ phận.

4.2. Đặc điểm về nội dung

Nội dung còn được gọi là ý. Có nhiều định nghĩa về khái niệm nội dung, bởi có nhiều cấp độ ngôn ngữ có chứa nội dung, như câu, đoạn văn và văn bản. Tác giả Nguyễn Như Ý định nghĩa: nội dung là □mặt bên trong (mặt ý nghĩa, mặt khái niệm) của các đơn vị ngôn ngữ trong mối quan hệ với mặt bên ngoài (mặt âm thanh, mặt chữ viết) của chúng có thuộc tính biểu hiện⁽⁴⁾ của văn bản được hiểu là: Nguyên tắc đầu tiên là tính tường minh của nội dung toàn bài hùng biện. Nội dung bài hùng biện không được chứa những hàm ẩn, ẩn ý. Xây dựng văn bản tường minh, không chứa đựng hàm ý vừa là yêu cầu của ban tổ chức, vừa là yêu cầu từ thực tế. Qua khảo sát, 13 văn bản hùng biện đều là những văn bản tường minh về nội dung; ví dụ, văn bản của Đại học Hải Phòng giới thiệu về Việt Nam qua tour du lịch có tên □Du lịch ẩm thực Hải Phòng□; Đại học Mỏ giới thiệu về sự phong phú âm thanh tiếng Việt; Đại học Hà Nội nói về đặc sắc con người, cảnh sắc Hà Nội□

Ý nghĩa văn bản được xem xét trong mối quan hệ giữa nội dung và phần hiện thực được nói đến trong nội dung. Đó là giá trị mà nội dung nhờ mối liên hệ với mảng thực tiễn đó được bật lên. Xét về ý nghĩa, các văn bản hùng biện ca ngợi đất nước, con người, văn hoá Việt Nam nói chung và đặc sắc vùng miền nói riêng. Qua đó, người nghe thấy được sự gắn bó, yêu mến bản sắc Việt Nam qua góc nhìn của người nước ngoài. Tuy ý nghĩa riêng khác nhau, song mỗi văn bản là một mảnh ghép tạo nên ý nghĩa chung, đó là sự giao thoa và kết nối văn hoá đa quốc gia thông qua cách nhìn và tâm hồn bạn bè quốc tế. Qua cuộc thi, mỗi đội tuyển, mỗi thành viên đều trở thành những □đại sứ văn hoá□ là cầu nối đưa Việt Nam ra thế giới.

4.3. Đặc điểm về từ vựng và ngữ pháp

Về từ vựng, bài hùng biện trước hết sử dụng tối đa vốn từ của người hùng biện. Vốn từ là lượng từ có sẵn của người hùng biện. Đây là những từ ngữ quen thuộc, người dùng đã hiểu và cảm nhận được trong quá trình sử dụng tiếng Việt. Do đó, người hùng biện sẽ vận dụng được vốn từ này tự nhiên nhất.

Khi xây dựng bài hùng biện, thông thường, các giảng viên - huấn luyện viên người Việt, dùng từ ngữ với vốn từ của họ. Theo đó, họ đưa những hiểu biết, cảm xúc, văn hoá người Việt [chấp bút] cho bài hùng biện. Bởi vậy có nhiều từ ngữ xa lạ với lưu học sinh do có sự khác biệt văn hoá. Những [thông tin dân tộc] với bản sắc Việt sẽ là lằng nhằng với sinh viên nước ngoài. Do đó, huấn luyện viên cần cho phép người hùng biện thay thế ngôn từ theo cách cảm, cách hiểu của các em với điều kiện những từ ngữ thay thế không làm thay đổi nội dung và tinh thần của bài hùng biện. Việc cho phép sinh viên diễn đạt theo cách hiểu của bản thân không làm sai lệch bài hùng biện, ngược lại, bài nói còn thêm góc nhìn mới về Việt Nam qua lăng kính thú vị của người nước ngoài.

Ví dụ, trong phần hùng biện sau đây, những vị trí được gạch chân đã được sinh viên Phét Seangsavang và Thitchantha diễn đạt lại theo cách cảm nhận của bản thân (trong bài hùng biện của HV BC&TT do sinh viên Phét - (Lào) thực hiện:

STT	Bản gốc	Bản được sửa
1	Tôi không thích sự xô bồ trong giao thông Hà Nội. Nhưng tôi phải thừa nhận: trong mọi trường hợp, người VN đều tìm được một cách nào đó để đi qua những ách tắc, khó khăn... hoặc: Tôi thú vị với những quán cà phê lưu động. Chỉ với một cái xe, một cái ô to, quán cà phê này đã đưa cà phê đến với mọi tầng lớp nhân dân lao động Hà Nội. Người HN đã đời thưởng thức, dần dà hoá một thức uống sang trọng.	Tôi không thích cái cảnh giao thông hỗn độn này. Tôi sợ và ghét nó. Nhưng tôi phải thừa nhận: trong mọi trường hợp, người VN đều tìm được một cách nào đó để đi qua những ách tắc, khó khăn... hoặc: Tôi thú vị với những cái "xe - ô" cà phê. Với cái xe - ô này, người HN đã đời thưởng, dần dà một thức uống sang trọng. (Phét Seangsavang)
2	Tôi đã từng đón Tết Lào trên đất nước Việt Nam. Ở nước Việt được đón Tết Bunpimay, tôi yêu thêm văn hoá truyền thống quê hương; cũng nhìn thấy được sự vừa kết nối vừa giao thoa văn hoá Việt - Lào. Hai phong tục Tết Nguyên Đán và Bunpimay của đất nước tôi, tôi đều giống nhau; mọi người đoàn viên trong một mái nhà ấm áp có đầy đủ mẹ cha, anh chị em.	Tôi được đón Tết Lào trên đất Việt. Ở nước Việt được đón Tết Bunpimay, tôi yêu thêm văn hoá truyền thống quê hương; cũng nhìn thấy được sự vừa kết nối vừa giao thoa văn hoá Việt - Lào. Hai phong tục Tết Nguyên Đán và Bunpimay của đất nước tôi, tôi có thể đặt cho cùng một cái tên: Tết đoàn viên (Thitchantha Kounlavong)

Thêm nữa, các bài hùng biện không sử dụng thành ngữ, tục ngữ, ca dao, thơ ca ả dụ. Lớp từ ngữ này ít được chọn; song nếu sử dụng, nó chỉ được dùng với nghĩa gốc, chẳng hạn: học thầy không tày học bạn; giải gió dầm sương; danh lam thắng cảnh, một lòng một dạ, ba chân bốn cẳng [

Về câu, các văn bản hùng biện được khảo sát áp dụng kiểu câu có cấu trúc đơn giản chiếm tỷ lệ nổi trội. Các kiểu câu sau được vận dụng với tần suất cao:

+ Câu đơn không có thành phần phụ (kết hợp với số lượng từ trong câu ít) tạo được sự ngắn gọn, ví dụ: Tôi sợ và ghét nó. Tôi thú vị với những cái [xe - ô] cà phê. Tôi được đón Tết Lào trên đất Việt.

+ Câu đơn, có một thành phần phụ: Với cái [xe - ô] này, người Hà Nội đã đời thưởng, dần dà một thức uống sang trọng. Hai phong tục Tết Nguyên Đán và Bunpimay của đất nước tôi, tôi có thể đặt cho cùng một cái tên: Tết đoàn viên.

+ Câu ghép với số vế câu không quá 3: Ở nước Việt, được đón Tết Bunpimay, tôi yêu thêm văn hoá truyền thống quê hương; cũng nhìn thấy được sự vừa kết nối vừa giao thoa văn hoá Việt - Lào.

Các kiểu câu: câu đơn mở rộng (câu có nhiều thành phần phụ), câu phức thành phần, câu đặc biệt, câu rút gọn bị hạn chế sử dụng. Điều này lý giải: việc học tiếng Việt đã hướng tới mục đích cao nhất là tính dễ áp dụng. Với các kiểu câu đơn giản, dễ áp dụng cấu trúc, người nước ngoài không khó khăn để nắm bắt. Hướng tiếp cận tiếng Việt không còn theo kiểu hàn lâm, học thuật đã chứng tỏ sự hợp lý. Việc dạy tiếng Việt cũng đã được tinh gọn, hướng tới giá trị thực tiễn. Đây là một xu hướng đúng đắn.

Như vậy, có thể thấy văn bản hùng biện là loại văn bản sử dụng phương tiện ngôn ngữ thuyết phục người nghe. Kỹ năng trong cuộc thi hùng biện tiếng Việt dành cho sinh viên nước ngoài với loại văn bản lấy tiếng Việt làm chất liệu tạo tập văn bản hùng biện, đó không chỉ là kỹ năng học tập mà đã trở thành tiêu chí để đánh giá năng lực tiếng Việt ở cấp độ quốc gia.

Trải qua ba cuộc thi đã được tổ chức, các đội tham gia hùng biện cho thấy sự phong phú về nội dung và ý nghĩa; không văn bản nào có ý nghĩa hàm ẩn; thông điệp rõ ràng, bám sát chủ đề về tình yêu đối với đất nước - con người - văn hoá Việt Nam. Xét về từ loại, lớp từ tiếng Việt phổ thông đã được [lọc] qua cách cảm nhận trở thành vốn từ cá nhân người hùng biện; loại vốn từ này được vận dụng tối đa; kết cấu câu đơn giản, cấu trúc bài ngắn gọn, mạch lạc./.

(1) Hoàng Anh, Phạm Văn Thấu, (2010), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb. Chính trị - Hành chính.

(2) Nguyễn Thiện Giáp, (2016), *Từ điển Khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb. ĐHQG HN.

(3) Nguyễn Thiện Giáp, (2022), *Ngữ dụng học, từ lý thuyết đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb. ĐHQG HN.

(4) Nguyễn Như Ý, (2002), *Từ điển khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục.